

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **129/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/4/2018
V/v: xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Phượng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Ông Nguyễn Thiện Hoàn

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Chúc Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Trong ngày **27** tháng **4** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Cừu Thanh T**, sinh năm 1971;

Cư trú: Tổ 38, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Lâm Văn S** sinh năm 1973;

Cư trú: Tổ 4, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà T có mặt; ông S vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Cừ Thanh T, trình bày: Hôn nhân của bà với ông Lâm Văn S là do tự tìm hiểu, yêu thương, sống chung từ năm 1991 đến năm 2008 thì không còn sống chung cho đến nay. Nguyên nhân do bà với ông S bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Bà với ông S sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn và hiện tại vẫn chưa đăng ký kết hôn. Nay bà với ông S đã không còn sống chung gần 10 năm, mỗi bên đều có cuộc sống riêng nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà với ông S có 02 (hai) con chung: 01/ Lâm Thị K, sinh năm 1993; 02/ Lâm Thị Cẩm L, sinh năm 1995. Hiện K và L đã trưởng thành và sống tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chứng cứ bà T cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; bản phô tô ccopy giấy khai sinh (02 bản); bản phô tô copy sổ hộ khẩu gia đình và chứng minh nhân dân.

Ông Lâm Văn S trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà T, hôn nhân của ông với bà T là do tự tìm hiểu, yêu thương, sống chung từ năm 1991 đến năm 2008 thì không còn sống chung cho đến nay. Ông với bà T không có đăng ký kết hôn. Nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông với bà T có 02 (hai) con chung: 01/ Lâm Thị K, sinh năm 1993; 02/ Lâm Thị Cẩm L, sinh năm 1995. Hiện K và L đã trưởng thành và sống tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chứng cứ ông S cung cấp cho Tòa án: Giấy chứng minh nhân dân và đơn yêu cầu không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn; tài sản chung và nợ chung bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên xét xử vắng mặt ông S theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị HĐXX không công nhận bà T, ông S là vợ chồng; về tài sản chung, nợ chung do các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:* Bà Cừu Thanh T với ông Lâm Văn S tự tìm hiểu, yêu thương, sống chung từ năm 1991 đến năm 2008, không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V ngày 23/2/2018). Bà Cừu Thanh T xin ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp theo điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì việc kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền (kể cả có tổ chức lễ cưới) nhưng không đăng ký thì không có giá trị pháp lý. Do đó, trường hợp bà T, ông S không được công nhận là vợ chồng.

[2] *Về con chung:* Bà T và ông S có 02 (hai): 01/ Lâm Thị K, sinh năm 1993; 02/ Lâm Thị Cẩm L, sinh năm 1995. Hiên K và L đã trưởng thành và sống tự lập được.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà T, ông S đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí:* Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 14, 15, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Cừu Thanh T và ông Lâm Văn S là vợ chồng.

Về án phí: Bà Cừu Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0002808 ngày 06/3/2018 (bà T đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/4/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Phụng